

**CÔNG TY CỔ PHẦN FREEWAY MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FREEWAY MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FREEWAY MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FREEWAY MEDIA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108073691

**3. Ngày thành lập:** 24/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 29, Khu A, Tập thể Binh đoàn 12, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh<br>- Hoạt động sản xuất phim video<br>- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình<br>- Việc sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình<br>- Việc sản xuất các chương trình truyền hình và chương trình quảng cáo không sử dụng phương tiện truyền thanh truyền hình và hoạt động của các thư viện lưu giữ phim khác | 5911(Chính) |
| 2.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8551        |
| 3.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8552        |
| 4.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hoá và giải trí cho khách hàng. Nó bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp                                                        | 9000        |
| 5.  | Hoạt động chiếu phim<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động chiếu phim cố định<br>- Hoạt động chiếu phim lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5914        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5912 |
| 7.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5913 |
| 8.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 9.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7420 |
| 10. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5820 |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6329 |
| 12. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 14. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312 |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6311 |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202 |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201 |
| 18. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet<br>- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada<br>- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh<br>- Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up)<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet) | 6190 |
| 19. | Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6022 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động sản xuất ghi âm gốc như ghi băng, đĩa CD-s</li> <li>- Phát hành, quảng cáo và phân phối băng ghi âm đến những người bán buôn, bán lẻ hoặc trực tiếp đến công chúng. Các hoạt động này có thể được thực hiện hoặc không được hiện cùng với việc sản xuất các băng ghi âm gốc trong cùng một đơn vị. Nếu không, đơn vị thực hiện các hoạt động này phải có quyền tái sản xuất và phân phối đối với bản ghi âm thanh gốc</li> <li>- Hoạt động ghi âm phục vụ các hoạt động trong trường quay hoặc các nơi khác, bao gồm cả việc sản xuất chương trình băng đài (không phải trực tiếp)</li> <li>- Hoạt động xuất bản âm nhạc, như hoạt động của việc có được và đăng ký bản quyền cho tác phẩm âm nhạc, quảng cáo, uỷ quyền và sử dụng các tác phẩm âm nhạc này vào việc ghi âm, phát thanh, truyền hình, điện ảnh, chương trình trực tiếp, in ấn và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Những đơn vị tham gia trong các hoạt động này có thể sở hữu bản quyền hoặc các hoạt động như việc quản lý các bản quyền âm nhạc thay mặt cho các chủ sở hữu các bản quyền này</li> </ul> | 5920 |
| 21. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299 |
| 22. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư)</li> <li>- Giáo dục dự bị</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại</li> <li>- Dạy đọc nhanh</li> <li>- Đào tạo tự vệ</li> <li>- Đào tạo về sự sống</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8559 |
| 23. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6209 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM MẠNH QUÂN | Số nhà 10, ngõ 9, phố Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 135773562                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                          | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM KIM BÌNH  | Số nhà 18, tổ 19A, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 275.000    | 2.750.000.000         | 55,000    | 013329954                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                          | Tổng số           | 275.000    | 2.750.000.000         | 55,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ ANH   | Phòng 1916, CT12B, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    | 035186000398                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                          | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM MẠNH QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 135773562

Ngày cấp: 20/12/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 10, ngõ 9, phố Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 18, tổ 19A, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội